

Bản án số: 07/2025/DS - ST

Ngày: 16/8/2025

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời; Bà Nguyễn Thị Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST - DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – DS ngày 29/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn Q**, sinh năm 1977.

ĐKKHKT và trú tại: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn Q: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng L4. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan): Ông **Vũ Văn C**, sinh năm 1958; ĐKKHKT và trú tại: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu N, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt).

+ Bà **Vũ Thị B**, sinh năm 1960; ĐKKHKT và trú tại: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt)

+ Bà **Tăng Thị L**, sinh năm 1971; ĐKKHKT và trú tại: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Vũ Thu T4**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). Hiện đi nước ngoài, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt).

+ Anh **Vũ Tuấn Đ**, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). Vắng mặt.

+ Chị **Vũ Thị V**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt.

+ Chị **Hồ Thị T**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt).

- + Anh **Hồ Văn Q1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt).
- + Chị **Hồ Thị Y**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ A, Cụm A, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. (nay là phường N, thành phố Hà Nội).
- + Anh **Hồ Văn C1**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số E, ngõ A N, khu C, phường B, thành phố H. (nay là phường H, TP Hải Phòng).
- + Ông **Vũ Văn Đ1**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là Khu T, phường T, TP Hải Phòng).
- + Bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng).
- + Bà **Vũ Thị C2**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng).
- + Bà **Vũ Thị T1**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng).
- + Anh **Tăng Văn H1**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (nay là Khu Đ, phường T, TP Hải Phòng).
- + Chị **Tăng Thị T2**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. (nay là xã Đ, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh Q1, chị Y, anh C1, ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1, anh H1, chị T2: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1977; ĐKKHKT và trú tại: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, TP Hải Phòng). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Vũ Văn Q trình bày:

Bố mẹ đẻ ông là cụ Vũ Văn H2, sinh năm 1920, chết ngày 19/07/2008, và cụ Hồ Thị T6, sinh năm 1928, chết ngày 29/03/2024. Ông bà ngoại, ông bà nội của ông đều đã chết trước bố mẹ đẻ ông.

Cụ H2 và cụ T6 sinh được 10 người con gồm: Vũ Thị T3, đã chết tháng 5 năm 2019 (bà T3 có chồng là ông Hồ Văn Q2 và các con Hồ Thị T, Hồ Văn Q1, Hồ Thị Y, Hồ Văn C1); ông Vũ Văn Đ1; ông Vũ Văn C; bà Vũ Thị B; bà Vũ Thị N; ông Vũ Văn Q3, đã chết năm 2015 (có vợ là bà Tăng Thị L và các con Vũ Thị Thu T4, Vũ Tuấn Đ, Vũ Thị V); bà Vũ Thị C2; bà Vũ Thị T1; bà Vũ Thị T5, chết năm 2014 có chồng là ông Tăng Văn Q4 và các con là Tăng Văn H1, Tăng Thị T2 và ông Vũ Văn Q. Ngoài ra hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ H2 và cụ T6 có khối tài sản chung là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², đứng tên cụ Vũ Văn H2. Trên đất nhà xây dựng đã cũ từ năm 1985 và công trình phụ. Cụ H2 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ H2 chết, cụ T6 có họp bàn gia đình với các con về việc muốn sử dụng ½ diện tích đất nói trên vào mục đích riêng, ½ diện tích đất còn lại là di sản của cụ H2 để lại chia theo pháp luật. Tuy nhiên, trong số 10 người con chỉ có 08 người đồng ý. Còn lại ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị

B không đồng ý. Nên cụ T6 làm đơn khởi kiện ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị B ra Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) đề nghị Tòa án xác nhận phần diện tích đất là tài sản riêng của cụ trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Vũ Văn H2 là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², diện tích đất vườn thừa hợp pháp 222m², thực tế còn 516,6m² và tài sản trên đất, địa chỉ tại thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương và chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H2 theo pháp luật, cụ xin nhận bằng hiện vật

Theo đó, vụ việc khởi kiện của cụ T6 đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) thụ lý giải quyết. Căn cứ vào Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) đã có hiệu lực pháp luật, xác định:

+ Cụ Hồ Thị T6 được quyền sở hữu là diện tích đất 467,7m² bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn hợp pháp trị giá 1.751.550.000 đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước; toàn bộ công trị giá 45.735.000 đồng, tổng cộng là 1.797.285.000 đồng tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Cụ T6 phải trả chênh lệch tài sản thừa kế bằng tiền cho ông C, bà B mỗi người là 84.770.000 đồng; trả tiền kỳ phần được hưởng thừa kế tài sản và tiền tài sản, công sức cho bà Tăng Thị L và các con là chị Vũ Thu T4, bà Vũ Thị V; Vũ Tuấn Đ là 84.770.000đ (mỗi người được hưởng là 22.618.250 đồng).

Ngày 29/3/2024 cụ T6 chết, trước khi cụ T6 chết có giao cho anh Q một bản di chúc niêm phong đóng dấu của UBND xã G ngoài phong bì. Khi làm thủ tục mở di chúc do U tiến hành, nội dung bản Di chúc được lập ngày 08/02/2011 thể hiện cụ T6 định đoạt toàn bộ phần di sản là quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m² cùng một gian nhà mái bằng trên đất cho ông Vũ Văn Q. Bản di chúc mô tả giáp ranh phần đất, có điểm chỉ của cụ T6 và chứng thực của UBND xã G, thuộc sổ chứng thực 31, quyển số 01.

Sau khi cụ T6 chết bà Vũ Thị N đã có đơn đề nghị UBND xã G công bố bản di chúc của cụ T6 tuy nhiên ông C, bà B, bà L và các con không có mặt.

Đến nay ông Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận tính hợp pháp của bản di chúc do cụ Hồ Thị T6 lập ngày 08/02/2011 thể hiện cụ T6 định đoạt toàn bộ phần di sản là quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m² cùng một gian nhà trên đất cho anh Q. Căn cứ Bản án 31/2023/DSST ngày 09/09/2023 thể hiện diện tích đất cụ T6 được sở hữu là diện tích đất 467,7m² bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn hợp pháp trị giá 1.751.550.000 đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp IV; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước; toàn bộ công trị giá 45.735.000 đồng, tổng cộng là 1.797.285.000 đồng tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng).

Trường hợp bản di chúc không hợp pháp hoặc hợp pháp 1 phần anh Q yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ T6 để lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) ông Vũ Văn C trình bày:

Ông là con đẻ của cụ H2, cụ T6. Cụ H2 chết năm 2008, cụ T6 chết năm 2024. Khi còn sống hai cụ sinh được 10 người con gồm: Bà T3 (đã chết), ông Đ1, bà B, bà N, ông Q3 (đã chết), bà C2, bà T1, bà T5 (đã chết), ông Q và ông C.

Khi còn sống hai cụ có khối tài sản là diện tích đất khoảng hơn 500m². Ông Q khởi kiện phân chia di sản thừa kế của cụ T6, ông C xác định trước khi chết cụ T6 không để lại di chúc, vì nếu lập di chúc phải gọi đầy đủ các con vào chứng kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Q theo quy định của pháp luật. Ông Q từ chối nhận các giấy tờ của Tòa án.

3. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) bà Vũ Thị B trình bày:

Bà là con đẻ của cụ H2 và cụ T6. Cụ H2 chết năm 2008, cụ T6 chết năm 2024. Khi còn sống hai cụ sinh được 10 người con gồm: Bà T3 (đã chết), ông Đ1, bà N, ông Q3 (đã chết), bà C2, bà T1, bà T5 (đã chết), ông Q và bà B. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con nhận nào khác. Khi còn sống bố mẹ bà có tài sản gì thì bà không biết vì bà là con gái đi lấy chồng. Đến nay anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ trèo và phân chia di sản thừa kế của cụ T6 là diện tích đất 467,7 và các tài sản trên đất, quan điểm của bà B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc cụ T6 lập di chúc cho ông Q tài sản khi nào bà không biết. Tòa án cho bà xem bản di chúc của cụ T6 bà không muốn xem vì không liên quan.

4. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) bà Tăng Thị L trình bày:

Bà là vợ ông Vũ Văn Q3. Bố mẹ đẻ ông Q3 là cụ H2 và cụ T6, cụ H2 chết năm bao nhiêu bà không nhớ, chỉ nhớ cụ T6 chết ngày 20/02/2024 (âm lịch). Ông bà ngoại, ông bà nội của chồng bà đến nay đều đã chết, chết trước bố mẹ đẻ ông Q3.

Cụ H2 và cụ T6 sinh được tất cả 10 người con đẻ gồm: Bà T3 (đã chết), ông Đ1, bà N, ông Q3 (đã chết), bà C2, bà T1, bà T5 (đã chết), ông Q và bà B. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con nhận nào khác.

Khi còn sống cụ H2 và cụ T6 có tài sản là nhà đất ở thôn T, xã G. Hai cụ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích tổng bao nhiêu bà không biết. Đến năm 1994 khi hai cụ còn minh mẫn thì hai cụ cho vợ chồng bà diện tích đất 216m² trên đất có tài sản là nhà 03 gian lợp tôn do hai cụ xây dựng, vợ chồng bà xây thêm bể nước, giếng khơi, bếp, chuồng lợn, tường bao quanh nhà.

Quan điểm của bà L không có tranh chấp. Trước đây cụ T6 cho vợ chồng bà diện tích đất thế nào thì bà sử dụng, diện tích đất cụ cho vợ chồng bà có nhà và công trình phụ và vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận. Ông Q khởi kiện thế nào bà không biết. Bà cũng chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào cụ T6 trả cho bà.

Bà đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã G, TP H (nay là phường T, thành phố H). Từ năm 2023 đến nay do con gái bà là chị V đi làm ăn lên bà mới

sang ở tại nhà con gái tại thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố H). Con gái bà là chị T4 và chị V hiện đi làm ăn lao động xuất khẩu và du học ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể con gái ở đâu bà không biết. Còn anh Đ vẫn ở nhà cùng bà tại Thôn P, xã G, thành phố Hải Phòng. Việc Tòa án báo gọi chị V, chị T4, anh Đ đến Tòa án bà có thông báo cho các con nhưng do các con bận đi làm ăn không về Tòa án tham gia tố tụng được, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt các con bà.

Khi Tòa án đang làm việc thì bà Len B1 về không ký biên bản lấy lời khai và các biên bản của Tòa án.

5. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị T, anh Q1, chị Y, anh C1, ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1, anh H1, chị T2 và người đại diện cho những người nêu trên là ông Vũ Văn Q trình bày:

Ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1 là con đẻ của cụ H2 và cụ T6. Anh H1, chị T, anh Q1, anh C1, chị Y, chị T2 là cháu ngoại của cụ H2 và cụ T6.

Thống nhất với lời trình bày của ông Q về năm sinh, năm mất và hàng thừa kế của hai cụ.

Khi còn sống cụ H2 và cụ T6 có khối tài sản chung là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², đứng tên cụ Vũ Văn H2. Trên đất nhà xây dựng đã cũ từ năm 1985 và công trình phụ. Cụ H2 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ H2 chết, cụ T6 đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận phần diện tích đất là tài sản riêng của cụ trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Vũ Văn H2 là ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m², loại đất ONT 300m², đất vườn thừa hợp pháp 222m², thực tế còn 516,6m² và tài sản trên đất, địa chỉ tại thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương và chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn H2 theo pháp luật.

Căn cứ vào Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng) đã có hiệu lực pháp luật, xác định:

+ Cụ Hồ Thị T6 được quyền sở hữu là diện tích đất 467,7m² bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn hợp pháp trị giá 1.751.550.000 đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp IV; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước; toàn bộ công trị giá 45.735.000 đồng, tổng cộng là 1.797.285.000 đồng tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Cụ T6 phải trả chênh lệch tài sản thừa kế bằng tiền cho ông C, bà B mỗi người là 84.770.000 đồng; trả tiền kỳ phần được hưởng thừa kế tài sản và tiền tài sản, công sức cho bà Tăng Thị L và các con là chị Vũ Thu T4, bà Vũ Thị V; Vũ Tuấn Đ là 84.770.000đ (mỗi người được hưởng là 22.618.250 đồng).

Ngày 29/3/2024 cụ T6 chết, trước khi cụ T6 chết có giao cho ông Q một bản di chúc niêm phong đóng dấu của UBND xã G ngoài phong bì. Khi làm thủ tục mở di chúc do U tiến hành, nội dung bản di chúc được lập ngày 08/02/2011 thể hiện cụ T6 định đoạt toàn bộ phần di sản là quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3, diện tích 522m² cùng một gian nhà mái bằng trên đất cho ông Vũ Văn Q. Bản di chúc mô tả giáp ranh phần đất, có điểm chỉ của cụ T6 và chứng thực của UBND xã G, thuộc sổ chứng thực 31, quyển số 01.

Tại thời điểm mở di chúc có 3 người không tham dự gồm 2 người con đẻ của cụ H2 và cụ T6 là ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị B và con dâu là bà Tăng Thị L (vợ ông Q3) không có mặt. Còn lại toàn bộ các con đẻ đều có mặt.

Toàn bộ những người có quyền lợi liên quan nêu trên đều nhất trí với di chúc của cụ T6 là để lại toàn bộ phần tài sản là diện tích đất 522m² cho anh Q. Do có 1 số người không tham dự việc mở di chúc của cụ T6 và có tranh chấp về thừa kế phần di sản của cụ T6 để lại nên anh Q đã phải làm thủ tục khởi kiện ra Tòa án thành phố H (nay là Tòa án khu vực 8 – Hải Phòng) yêu cầu công nhận di chúc của cụ T6 là hợp pháp.

Đến nay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm như sau :

Xác định di sản thừa kế cụ T6 để lại là diện tích đất 467,7m² (bao gồm 300m² đất ở, 167,7m² đất vườn) theo bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng) và các tài sản trên đất. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, công nhận tính hợp pháp của bản di chúc do cụ Hồ Thị T6 lập ngày 08/02/2011 thể hiện cụ T6 cho ông Vũ Văn Q toàn bộ tài sản nêu trên. Trường hợp di chúc không hợp pháp hoặc chỉ hợp pháp 1 phần mà phần còn lại phải chia theo pháp luật thì chị T, anh Q1, chị Y, anh C1, ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1, anh H1, chị T2 xin nhận di sản thừa kế của cụ T6 bằng hiện vật, tự nguyện cho ông Q toàn bộ phần di sản được hưởng từ cụ T6 và tự nguyện không yêu cầu ông Q phải trả bằng tiền trị giá di sản được hưởng.

6. Người làm chứng ông Lê Mạnh H3 trình bày: Ông nguyên là chủ tịch UBND xã G từ năm 2010 đến năm 2015. Ngày 09/02/2011 cụ Hồ Thị T6, sinh năm 1928; địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H có mang bản di chúc của cụ T6 ra UBND xã G nhờ UBND xã G chứng thực. Tại thời điểm lập di chúc cụ T6 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, việc cụ lập di chúc cho anh Vũ Văn Q là con trai út diện tích đất 522m² và các tài sản trên đất là hoàn toàn tự nguyện. Ông đã yêu cầu cụ T6 đọc lại toàn bộ nội dung bản di chúc đúng với ý chỉ của cụ là cho anh Q tài sản nên ông là Chủ tịch UBND xã đã yêu cầu cụ T6 điểm chỉ vào bản di chúc bằng vân tay và ông mới ký chứng thực vào bản di chúc của cụ Hồ Thị T6. Đến nay anh Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Tại công văn số 01/THADS ngày 10/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng xác định: Qua kiểm tra số nhận đơn yêu cầu thi hành án đến thời điểm hiện tại, Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - thành phố Hải Phòng chưa nhận được bất kỳ đơn yêu cầu thi hành án của các đương sự theo bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng).

8. Kết quả định giá tài sản: Giá đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 14), thôn T, xã G, TP H, tỉnh Hải Dương là: Đất ở nông thôn: 6.000.000đ/m²; Đất TCLN: 2.500.000đ/m²; 01 nhà cấp 4 lợp tôn xây dựng năm 1987, móng vừa vôi xây gạch chỉ diện tích 59,3m² có giá trị là: 55.279.460đ; Tường bao phía trước mặt nhà xây dựng năm 1987, xây gạch chỉ, vôi vừa: có giá trị là 787.279đ (đã làm tròn); 01 đoạn tường bao cạnh nhà giáp nhà ông

L1 xây năm 1997, xây gạch chỉ vôi vữa có giá trị là: 4.815.302đ; Sân trệt bê tông làm năm 1987 vôi vữa: 40,5m² có giá trị là: 3.447.769đ; 01 giếng nước làm năm 1987 đường kính 1m, sâu 5m có giá trị là: 618.000đ; 01 bể nước xây năm 1987: 10m³ có giá trị là 3.295.000đ; 01 nhà tắm 3,4m² xây năm 1987 gạch chỉ vôi vữa có giá trị là: 2.666.000đ; Cổng gồm cánh cổng sắt làm năm 1997, 3,61m² có giá trị là 361.000đ; Mái cổng đổ xi măng vôi vữa làm năm 1997: 4,9m² có giá trị là: 313.000đ; Cột cổng xây gạch chỉ làm năm 1997: 0,93m³ có giá trị là: 420.000đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của cụ T6 lập ngày 08/02/2011 hợp pháp. Trường hợp bản di chúc không hợp pháp toàn bộ hoặc hợp pháp 1 phần ông Q yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ T6 để lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Ông Q tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cụ T6 trước khi chết để lại là trả cho ông C, bà B mỗi người là 84.770.000 đồng; trả tiền kỷ phần được hưởng thừa kế tài sản và tiền tài sản, công sức cho bà Tăng Thị L và các con là chị Vũ Thu T4, bà Vũ Thu T4; Vũ Tuấn Đ là 84.770.000đ (mỗi người được hưởng 22.618.250 đồng). Không yêu cầu các hàng thừa kế khác phải thực hiện nghĩa vụ này. Nếu di chúc của cụ T6 hợp pháp một phần đối với phần tài sản của cụ T6 trong khối tài sản với cụ H2, cụ T6 đã có di chúc cho anh Q thì anh Q xin nhận bằng hiện vật là đất, còn các tài sản trên đất đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Đối với chị T, anh Q1, chị Y, anh C1, ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1, anh H1, chị T2 có quan điểm xin nhận thừa kế của cụ T6 để lại bằng hiện vật và tự nguyện tặng cho tài sản ông Q và không yêu cầu ông Q trả bằng tiền, ông Q xin nhận tài sản được tặng cho của những người trên và tự nguyện chịu thay phần án phí mà những người không được miễn nộp tạm ứng án phí phải chịu. Sau khi cụ T6 chết ông Q là người quản lý di sản nhưng do thời gian ngắn nên ông Q cũng không yêu cầu tính công sức trông nom quản lý di sản. Ông Q xin tự nguyện chịu cả phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 646, 647, 649, 650, 652, 658 Bộ luật dân sự 2005; Điều 612, 613, 615, 623, 634, 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157; Điều 164, Điều 165; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn Q về việc yêu cầu công nhận di chúc ngày 08/02/2011 của cụ Hồ Thị T6 là hợp pháp.

Tuyên bố di chúc của cụ Hồ Thị T6 lập ngày 08/02/2011 là hợp pháp một phần. Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn Q về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần Di chúc không hợp pháp của cụ T6.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Hồ Thị T6 để lại gồm: Diện tích đất 467,7m² (trong đó: 300m² đất ở; 167,7m² đất vườn hợp pháp thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước, toàn bộ cổng, tổng trị giá di sản là: 2.291.252.810đ.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn Q về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cụ T6 để lại. Ông Q có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B số tiền mỗi người được nhận là 84.770.000đồng. Trả cho bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu T4, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ số tiền là 84.770.000đồng (mỗi người được nhận là 22.618.250 đồng).

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T6 là ngày 29/3/2024.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6 gồm: Chị Hồ Thị T, chị Hồ Thị Y, anh Hồ Văn C1, anh Hồ Văn Q1 (Chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 là thừa kế thế vị của bà Vũ Thị T3); ông Vũ Văn Đ1; ông Vũ Văn C; bà Vũ Thị B; bà Vũ Thị N; Chị Vũ Thị V, chị Vũ Thị T4, anh Vũ Tuấn Đ (chị V, chị T4, anh Đ là thừa kế thế vị của ông Q3); bà Vũ Thị C2; bà Vũ Thị T1; Anh Tăng Văn H1, chị Tăng Thị T2 (anh H1, chị T2 là thừa kế thế vị của bà T2); Ông Vũ Văn Q.

- Chia di sản theo di chúc: Ông Vũ Văn Q được hưởng phần tài sản của T6 nằm trong khối tài sản chung với cụ H2 là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn trị giá 1.170.750.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Q đối với các tài sản trên đất là di sản của cụ T6 trong khối tài sản chung với cụ H2 đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

- Chia di sản theo pháp luật: Tổng giá trị di sản còn lại được phân chia theo pháp luật là: 1.120.502.810đ, chia làm 10 phần mỗi phần được hưởng 112.050.281đ (tương đương với 15m² đất ở và 5,94m² đất vườn và tài sản trên đất mỗi phần được hưởng là 7.200.281đ). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 (là con bà T3); ông Đ1; bà N; bà C2; bà T1; Anh H1, chị T2 (là con bà T5) về việc tặng cho ông Q phần di sản thừa kế được hưởng từ cụ T6 và tự nguyện không yêu cầu ông Q trả bằng tiền.

Giao cho ông Vũ Văn Q được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng diện tích đất 467,7m² (trong đó: 300m² đất ở; 167,7m² đất vườn hợp pháp thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước, cổng có giá trị là 2.291.252.810đ. Ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà B giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà ông C, bà B mỗi người được hưởng là: 112.050.281đ; thanh toán cho chị T4, anh Đ, chị V giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà bà chị V, chị T4, anh Đ được hưởng là: 112.050.281đ (mỗi người được hưởng số tiền 37.350.094đ (làm tròn).

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q tự nguyện chịu cả số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là: 8.200.000đ. Anh Q đã nộp đủ số tiền nêu trên.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C, bà B, ông Đ1, bà N. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Q chịu thay án phí cho chị T, chị Y, anh C1, anh Q1; bà C2; bà T1; anh H1, chị T2. Ông Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị T4, anh Đ, chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng :

- **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Nguyên đơn ông Q khởi kiện yêu cầu công nhận tính hợp pháp của di chúc. Trường hợp bản di chúc không hợp pháp toàn bộ hoặc hợp pháp 1 phần ông Q yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ T6 để lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Bị đơn ông C, bà B, bà L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã G, TP H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Do đó xác định quan hệ tranh chấp là ‘Tranh chấp chia thừa kế tài sản’ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định ông Hồ Văn Q2, ông Tăng Văn Q4 là những người có quyền lợi liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự thì bà Vũ Thị T3 là vợ ông Q2 và bà Vũ Thị T5 là vợ ông Q4 đều chết trước cụ T6 nên chỉ các con của bà T3, bà T5 được hưởng di sản thừa kế của cụ T6. Vì vậy Hội đồng xét xử không xác định những người trên là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với ông C, bà B, bà L trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định là bị đơn trong vụ án. Xét thấy ông C, bà B, bà L còn liên quan đến khoản tiền mà cụ T6 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho những người trên nên xác định ông C, bà B, bà L vừa là bị đơn, vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- **Về sự vắng mặt của đương sự :** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn ông C, bà B, bà L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T4, anh Đ, chị V nhưng chỉ có bà L đến Tòa án trình bày quan điểm một lần còn ông C, bà B, chị T4, anh Đ, chị V không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tổng đạt văn bản trực tiếp tại nhà cho ông C, bà B nhưng đều từ chối nhận văn bản nên Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng cho ông C, bà B. Đối với bà L và 03 con là anh Đ, chị T4, chị V qua xác minh tại chính quyền địa phương, công văn trả lời của Công an xã G (nay là Công an phường T) nơi bà B, bà L, anh Đ, chị T4 ĐKHKT và Công an xã G nơi chị V ĐKHKT thì bà L, anh Đ, chị T4 vẫn ĐKHKT và sinh sống tại xã G (nay là phường T, thành phố Hải Phòng), chị T4 ĐKHKT tại thôn T, xã G hiện đi lao động tại nước ngoài. Chị V ĐKHKT tại

xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Tại công văn trả lời số 1514/QLXNC ngày 21/5/2025 thì chị T4 xuất cảnh ngày 23/02/2024 chưa có thông tin nhập cảnh. Bà L, chị V không có thông tin xuất nhập cảnh. Tại lời trình bày của bà L xác định hiện nay chị T4, chị V đi lao động ở nước ngoài, đã được bà thông báo việc ông Q khởi kiện nhưng không về được. Chị T4, chị V xuất cảnh nhưng không thông báo cho gia đình, chính quyền địa phương biết đi đâu, làm gì, địa chỉ ở đâu do vậy xác định chị T4, chị V cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên nhưng đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2]. Về nội dung :

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q đề nghị Tòa án công nhận tính hợp pháp di chúc của cụ T6 lập ngày 08/02/2011 về việc để lại di sản cho anh Q là diện tích đất 522m², thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa đất số 74, tờ bản đồ 14).

- **Về thời điểm mở thừa kế:** Căn cứ trích lục khai tử của cụ T6, xác định cụ T6 chết ngày 29/03/2024 nên thời điểm mở thừa kế của cụ T6 là ngày 29/03/2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự.

- **Về hàng thừa kế của cụ T6:** Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6 tại thời điểm mở thừa kế gồm: Chị Hồ Thị T, chị Hồ Thị Y, anh Hồ Văn C1, anh Hồ Văn Q1 (Chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 là các con của bà Vũ Thị T3, do bà T3 chết trước cụ T6 nên các con bà T3 được hưởng thừa kế của cụ T6 mà nếu còn sống thì bà T3 được hưởng); ông Vũ Văn Đ1; ông Vũ Văn C; bà Vũ Thị B; bà Vũ Thị N; Chị Vũ Thị V, chị Vũ Thị T4, anh Vũ Tuấn Đ (chị V, chị T4, anh Đ là các con của ông Q3, do ông Q3 chết trước cụ T6 nên các con ông Q3 được hưởng thừa kế của cụ T6 mà nếu còn sống thì ông Q3 được hưởng); bà Vũ Thị C2; bà Vũ Thị T1; Anh Tăng Văn H1, chị Tăng Thị T2 (anh H1, chị T2 là các con của bà Vũ Thị T5, do bà T5 chết trước cụ T6 nên các con bà T5 được hưởng thừa kế của cụ T6 mà nếu còn sống thì bà T5 được hưởng); Ông Vũ Văn Q.

- **Về di sản thừa kế của cụ T6:** Căn cứ vào Bản án số 31/2023/DSST của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng) thì di sản của cụ T6 là Diện tích đất 467,7m² (trong đó: 300m² đất ở; 167,7m² đất vườn hợp pháp) thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng) trị giá 1.751.550.000 đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước, toàn bộ công trị giá 45.735.000 đồng. Tổng di sản thừa kế của cụ T6 là 1.797.285.000 đồng.

Căn cứ theo giá trị định giá tại thời điểm hiện nay của Hội đồng định giá thì di sản của cụ T6 nêu trên có giá trị là: Diện tích đất ở trị giá 6.000.000đ/m² x 300m² = 1.800.000.000đ; Đất trồng cây lâu năm trị giá 2.500.000đ/m² x 167,7m² = 419.250.000đ và các tài sản trên diện tích đất có tranh chấp gồm 01 nhà cấp 4 lợp tôn; Tường bao phía trước mặt nhà; 01 đoạn tường bao cạnh nhà giáp nhà ông L1; Sân trệt bê tông; 01 giếng nước; 01 bể nước; Cổng gồm cánh cổng sắt, mái

công đồ xi măng; Cột công. Giá trị tài sản trên đất là 72.002.810đ. Tổng giá trị tài sản là đất, công trình xây dựng trên đất là: 2.291.252.810đ.

- **Về nguồn gốc tài sản là di sản thừa kế của cụ T6:** Phần tài sản là di sản của cụ T6 nêu trên có nguồn gốc trước đây là tài sản chung của cụ T6 và chồng là cụ Vũ Văn H2. Căn cứ vào Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng) xác định phần tài sản của cụ T6 là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất, tổng trị giá là 932.466.000đ. Tài sản của cụ H2 là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất trị giá là 932.466.000đồng (phần di sản của cụ H2 đã được chia cho các hàng thừa kế theo Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của TAND thành phố Hải Dương).

- **Về nghĩa vụ của cụ T6 trước khi chết để lại:** Theo Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của TAND thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng) thì Cụ Hồ Thị T6 phải trả cho ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B kỷ phần tài sản được hưởng thừa kế mỗi người là 84.770.000đồng. Trả cho bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu T4, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ kỷ phần tài sản được hưởng thừa kế và số tiền về tài sản, công sức trên đất, mỗi người là 22.618.250 đồng.

Căn cứ công văn trả lời của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Hải Phòng thì đến thời điểm hiện tại Phòng thi hành án dân sự không nhận được bất kỳ đơn yêu cầu Thi hành án của các đương sự yêu cầu thi hành Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của TAND thành phố Hải Dương (Nay là TAND khu vực 8 – Hải Phòng). Do vậy xác định nghĩa vụ của cụ T6 để lại là số tiền cụ phải trả cho ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B, bà Tăng Thị L và 03 con, tổng là: 260.013.000đ.

Các khoản chi phí mai táng phí... các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- **Xét tính hợp pháp Di chúc của cụ T6 lập ngày 08/02/2011:** Nội dung bản di chúc của cụ T6 lập ngày 08/02/2011 thể hiện: *“Cụ T6 là chủ sở hữu hợp pháp nhà đất tại đội 4, G, G, Hải Dương. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu bất động sản gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0081715 do UBND tỉnh H cấp ngày 17/01/2005; diện tích nhà xây: nhà chính 01 gian mái bằng. Thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 3 diện tích 522m² gồm có đất ở và vườn ao. Sau khi chết cụ T6 để lại cho con trai út là Vũ Văn Q đất ở và vườn gồm 522m², vị trí phía Đông giáp ranh nhà anh L2, phía Nam giáp giếng hợp tác xã, phía Tây giáp ranh nhà anh Q3, phía Bắc giáp ranh nhà anh L1”*.

Di chúc được lập thành văn bản có điểm chỉ của cụ T6 và chứng thực của UBND xã G. Căn cứ quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về việc lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tuân theo thủ tục sau đây: *« Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc »*.

Căn cứ lời khai của người làm chứng là ông Lê Mạnh H3 nguyên chủ tịch

UBND xã G thời điểm năm 2011 - là người chứng thực vào bản di chúc xác định : Tại thời điểm lập di chúc cụ T6 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, việc cụ lập di chúc cho anh Vũ Văn Q là con trai út diện tích đất 522m² và các tài sản trên đất là hoàn toàn tự nguyện. Ông đã yêu cầu cụ T6 đọc lại toàn bộ nội dung bản di chúc đúng với ý chí của cụ là cho anh Q tài sản nên cụ mới điểm chỉ và ông mới ký chứng thực vào bản di chúc của cụ Hồ Thị T6. Như vậy, việc cụ T6 lập di chúc cho anh Q tài sản là hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi cụ T6 chết những người con ruột gồm bà N, bà C2, bà T1, ông Đ1 và con rể ông Q2, ông Q4 và con dâu là bà L3 đã ra UBND xã chứng kiến việc công bố Di chúc của cụ T6. Những người con nêu trên đều không có bất kỳ ý kiến gì.

Xét thấy, tại thời điểm cụ T6 lập di chúc cho anh Q ngày 08/02/2011 thì phần tài sản của cụ T6 vẫn nằm trong khối tài sản chung với cụ H2, chưa được phân chia. Cụ H2 chết năm 2008, khi chết không để lại di chúc, cũng không tặng cho toàn bộ tài sản của mình cho cụ T6, nên di chúc ngày 8/02/2011 của cụ T6 chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ T6 nằm trong khối tài sản chung với cụ H2, cụ thể theo bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng) phân chia tài sản chung của cụ H2 và cụ T6 thì phần tài sản của cụ T6 là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất, tổng trị giá là 932.466.000đ.

Như đã phân tích ở trên di chúc của cụ T6 hợp pháp một phần đối với phần tài sản của cụ T6 trong khối tài sản chung với cụ H2, cụ T6 có di chúc tặng cho anh Q nên cần giao cho anh Q được quyền quản lý, sử dụng phần di sản của cụ T6 nằm trong khối tài sản chung với cụ H2 là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn và giá trị tài sản trên đất, tổng trị giá theo giá trị định giá hiện nay là 1.170.750.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q chỉ nhận phần di sản bằng đất, còn tài sản trên đất đề nghị Tòa án chia theo pháp luật cho các hàng thừa kế khác.

[2.2]. Xét yêu cầu của anh Q đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di chúc không hợp pháp:

- Chia di sản của cụ T6 theo pháp luật:

Sau khi trừ đi phần tài sản của cụ T6 trong khối tài sản chung với cụ H2 mà anh Q được hưởng theo Di chúc nêu trên thì phần tài sản còn lại của cụ T6 theo Bản án số 31/2023/DSST ngày 09/9/2023 của TAND thành phố Hải Dương (nay là TAND khu vực 8 – Hải Phòng) sẽ được chia theo pháp luật, cụ thể phần di sản còn lại là: 150m² đất ở trị giá 900.000.000đ và 59,4m² đất vườn thừa hợp pháp (nay là đất trồng cây lâu năm) trị giá 148.500.000đ và các tài sản trên đất trị giá: 72.002.810đ. Tổng giá trị di sản còn lại của cụ T6 được phân chia theo pháp luật là: 1.120.502.810đ.

- Về phân chia di sản: Đối với nghĩa vụ của cụ T6 để lại anh Q tự nguyện trả cho ông C, bà B mỗi người 84.770.000đồng; Trả cho bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu T4, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ mỗi người là 22.618.250 đồng nên cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc thực hiện nghĩa vụ của cụ T6 để lại. Sau khi cụ T6 chết anh Q là người quản lý di sản, anh Q không yêu cầu tính công sức nên di sản của cụ T6 được chia đều cho các hàng thừa kế.

Giá trị di sản còn lại được phân chia theo pháp luật là: 1.120.502.810đ.

Di sản của cụ T6 được chia thành 10 phần là 1.120.502.810đ : 10 = 112.050.281đ.

[3]. Về chia hiện vật: Di sản là quyền sử dụng diện tích đất là 150m² đất ở và 59,4m² đất vườn hợp pháp chia cho 10 xuất thừa kế mỗi người được hưởng 15m² đất ở và 5,94m² đất vườn và tài sản trên đất mỗi người được hưởng là 7.200.281đ nên không thể chia bằng hiện vật cho từng người thừa kế.

Chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 (là con bà T3); ông Đ1; bà N; bà C2; bà T1; Anh H1, chị T2 (là con bà T5) xin được nhận thừa kế bằng hiện vật là tự nguyện tặng cho cho anh Q toàn bộ phần thừa kế được hưởng và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải trả bằng tiền nên chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà nêu trên.

Đối với ông C, bà B và 03 người con của ông Q3 là chị V, chị T4, anh Đ không có ý kiến trình bày, tuy nhiên phần di sản những người trên được hưởng không thể chia bằng hiện vật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử giao toàn bộ phần di sản thừa kế theo pháp luật của cụ T6 là diện tích đất ở 150m² và 59,4m² đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ các tài sản trên đất trị giá 72.002.810đ nêu trên cho anh Q quản lý, sử dụng.

Anh Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà B giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà ông C, bà B được hưởng mỗi người là: 112.050.281đ; thanh toán cho chị T4, anh Đ, chị V giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà chị V, chị T4, anh Đ được hưởng là: 112.050.281đ (mỗi người được hưởng số tiền 37.350.094đ (làm tròn)).

Tổng số di sản của cụ T6 anh Q được hưởng là 467,7m² (trong đó: 300m² đất ở; 167,7m² đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước; toàn bộ công thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng). Tổng giá trị tài sản là đất, công trình xây dựng trên đất là: 2.291.252.810đ.

[3]. Về tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá là 8.200.000đ. Anh Q tự nguyện nộp số tiền trên nên cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Q.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí đối với phần di sản được chia. Ông C, bà B, ông Đ1, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Q phải chịu án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ của cụ T6 để lại. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q chịu thay án phí cho chị T, anh Q1, chị Y, anh C1, ông Đ1, bà N, bà C2, bà T1, anh H1, chị T2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 646, 647, 649, 650, 652, 658 Bộ luật dân sự 2005; Điều 612, 613, 615, 623, 634, 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157; Điều 164, Điều 165; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn Q về việc yêu cầu công nhận di chúc ngày 08/02/2011 của cụ Hồ Thị T6 là hợp pháp.

Tuyên bố di chúc của cụ Hồ Thị T6 lập ngày 08/02/2011 là hợp pháp một phần.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn Q về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần Di chúc không hợp pháp của cụ T6.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Hồ Thị T6 để lại gồm:

Diện tích đất 467,7m² (trong đó: 300m² đất ở; 167,7m² đất vườn hợp pháp) thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước, toàn bộ công được chia theo Bản án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là TAND khu vực 8 – Hải Phòng), tổng trị giá di sản là: 2.291.252.810đ.

3. Về thực hiện nghĩa vụ của cụ Hồ Thị T6 để lại: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn Q về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cụ T6 để lại theo Bản án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là TAND khu vực 8 – Hải Phòng). Ông Q có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B số tiền mỗi người được nhận là 84.770.000đồng. Trả cho bà Tăng Thị L, chị Vũ Thu T4, chị Vũ Thị V, anh Vũ Tuấn Đ số tiền là 84.770.000đồng (mỗi người được nhận là 22.618.250 đồng).

4. Chia thừa kế theo Di chúc và theo pháp luật:

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T6 là ngày 29/3/2024.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6 gồm: Chị Hồ Thị T, chị Hồ Thị Y, anh Hồ Văn C1, anh Hồ Văn Q1 (Chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 là thừa kế thế vị của bà Vũ Thị T3); ông Vũ Văn Đ1; ông Vũ Văn C; bà Vũ Thị B; bà Vũ Thị N; Chị Vũ Thị V, chị Vũ Thị T4, anh Vũ Tuấn Đ (chị V, chị T4, anh Đ là thừa kế thế vị của ông Q3); bà Vũ Thị C2; bà Vũ Thị T1; Anh Tăng Văn H1, chị Tăng Thị T2 (anh H1, chị T2 là thừa kế thế vị của bà T2); Ông Vũ Văn Q.

- **Chia di sản theo di chúc:** Ông Vũ Văn Q được hưởng phần tài sản của T6 nằm trong khối tài sản chung với cụ H2 theo bản án số 31/2023/DSST của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng) là 150m² đất ở, 108,3m² đất vườn trị giá 1.170.750.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Q đối với các tài sản trên đất là di sản của cụ T6 trong khối tài sản chung với cụ H2 đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

- **Chia di sản theo pháp luật:** Tổng giá trị di sản còn lại được phân chia theo pháp luật là: 1.120.502.810đ, chia làm 10 phần gồm: Chị Hồ Thị T, chị Hồ Thị Y, anh Hồ Văn C1, anh Hồ Văn Q1 (Chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 là thừa kế thế vị của bà Vũ Thị T3); ông Vũ Văn Đ1; ông Vũ Văn C; bà Vũ Thị B; bà Vũ Thị N; Chị Vũ Thị V, chị Vũ Thị T4, anh Vũ Tuấn Đ (chị V, chị T4, anh Đ là thừa kế thế vị của ông Q3); bà Vũ Thị C2; bà Vũ Thị T1; Anh Tăng Văn H1, chị Tăng Thị

T2 (anh H1, chị T2 là thừa kế thế vị của bà T2); Ông Vũ Văn Q. Mỗi phần được hưởng 112.050.281đ (tương đương với 15m2 đất ở và 5,94m2 đất vườn và tài sản trên đất mỗi phần được hưởng là 7.200.281đ).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, chị Y, anh C1, anh Q1 (là con bà T3); ông Đ1; bà N; bà C2; bà T1; Anh H1, chị T2 (là con bà T5) về việc tặng cho ông Q phần di sản thừa kế được hưởng từ cụ T6 và tự nguyện không yêu cầu ông Q trả bằng tiền.

- Về phân chia hiện vật: Giao cho ông Vũ Văn Q được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng diện tích đất 467,7m2 (trong đó: 300m2 đất ở; 167,7m2 đất vườn hợp pháp) thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 14), địa chỉ: thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là khu T, phường T, thành phố Hải Phòng) và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên bao gồm: 01 nhà ở cấp 4; sân trệt trước nhà, tường bao trước nhà; tường bao cạnh nhà ông L1, 01 giếng nước, nhà tắm, cổng theo Bản án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương (nay là TAND khu vực 8 - Hải Phòng) có giá trị là 2.291.252.810đ.

Diện tích, kích thước theo hình:

A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A8,A9,A10,A11,A12,A13,A14,A15,A16,A17,A18 ,A19,A20, A21 (Sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà B giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà ông C, bà B mỗi người được hưởng là: 112.050.281đ; Thanh toán cho chị T4, anh Đ, chị V giá trị kỷ phần di sản của cụ T6 mà bà chị V, chị T4, anh Đ được hưởng là: 112.050.281đ (mỗi người được hưởng số tiền 37.350.094đ (làm tròn). Tạm giao cho anh Đ quản lý kỷ phần thừa kế của chị V, chị T4 là 37.350.094 đồng, sau này anh Đ có trách nhiệm giao lại cho chị V, chị T4.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Vũ Văn Q được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q tự nguyện chịu cả số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là: 8.200.000đ. Anh Q đã nộp đủ số tiền nêu trên.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C, bà B, ông Đ1, bà N.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Q chịu thay án phí cho chị T, chị Y, anh C1, anh Q1; bà C2; bà T1; anh H1, chị T2. Ông Q phải chịu số tiền 71.559.342đ (Bảy mươi một triệu năm trăm năm chín ngàn ba trăm bốn hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001142 ngày 21/02/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng). Ông Q còn phải chịu 38.559.342đ (ba

mười tám triệu năm trăm năm mươi chín ngàn ba trăm bốn hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T4, anh Đ, chị V mỗi người phải chịu 1.400.629đ (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu